

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **208/2017/HSST**
Ngày 08 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Ninh Quang Thê**

- *Các Hội thẩm:*

Ông **Nguyễn Văn Chiến**
Bà **Trương Ánh Hoa**

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thúy Kiều** - Cán bộ Toà án

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:*
Ông **Nguyễn Bảo Em** - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Cà Mau, Tòa án NDTP Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 230/2017/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quốc C** (Đầu bẻ) Sinh năm : 1996

ĐKNKTT: Ấp N, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp Đ, xã Lý Văn L, Tp. M, tỉnh Cà Mau.

Nghề nghiệp: Làm thuê ; Trình độ học vấn : 3/12

Con ông : Võ Hoàng S ; Con bà: Lê Ngọc H

Vợ, con: Chưa có ; Tiền án, tiền sự: Chưa ; Bị bắt ngày: 14/6/2017 đến nay .

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Quốc C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 17 giờ ngày 14/6/2017, Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 4 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển phối hợp với Công an phường 9 và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố M bắt quả tang Lê Quốc C có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Võ Tuấn H thu tang vật gồm:

+ Thu giữ trong người Võ Tuấn H được 02 bịch ma túy, niêm phong kín có chữ ký của Lê Quốc C và Võ Tuấn H.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ đen có sim số 0941176214 của Lê Quốc C.

+ 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu đen sim số 0941595547 của Võ Tuấn H.

+ 01 xe mô tô Yamaha hiệu Sirius biển số 69F1-316.92.

+ Tiền Việt Nam là 300.000 đồng thu trong người Lê Quốc C.

Tại bản kết luận giám định số 31/GĐMT-PC54 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận như sau: Mẫu tinh thể trong suốt được niêm phong trong một phong bì hình chữ nhật, có chữ ký và họ tên Lê Quốc C và Võ Tuấn H gửi giám định có tổng trọng lượng 0,208 gam, có Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Quá trình điều tra C khai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 14/6/2017 H dùng điện thoại di động có số thuê bao là 0941595547 gọi và nhắn tin vào điện thoại của C số thuê bao 0941176214 hỏi mua hai bịch ma túy đá trị giá 300.000đ, hẹn giao tại quán cà phê số 16 đường Trần Quang Diệu, khóm 4, phường 9, thành phố M, khoảng 17 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô biển số 69F1-316.92 đến điểm hẹn giao hai bịch ma túy đá cho H và nhận số tiền 300.000 đồng thì bị bắt quả tang. Ngoài ra vào ngày 13/6/2017 C còn bán cho H 01 bịch ma túy đá với giá 200.000đ, giao ma túy cho H tại hẻm đối diện chùa Từ Quang thuộc phường 9, thành phố M. Ma túy C bán cho H là do C mua của một người thanh niên ở phường 1, thành phố M (không biết họ tên địa chỉ cụ thể).

Tại biên bản kiểm tra điện thoại vào lúc 19 giờ ngày 14/6/2017, thì sim số 0941176214 của Lê Quốc C có liên lạc cuộc gọi đến, đi và tin nhắn với sim số 0941595547 của Võ Tuấn H về việc trao đổi mua bán ma túy lúc khoảng 16 giờ ngày 14/6/2017.

Đối với điện thoại di động hiệu Hphone màu đen của Võ Tuấn H. Ngày 14/6/2017, Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 4 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển đã tiến hành trao trả lại cho H.

Đối với xe mô tô 69F1-316.92 mà Lê Quốc C dùng làm phương tiện đi giao ma túy là của bà Lê Ngọc H (mẹ ruột C) mua và nhờ C đứng tên. Việc C dùng làm phương tiện đi giao ma túy bà H hoàn toàn không hay biết. Nên ngày 16/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M đã tiến hành trao trả xe trên cho bà Lê Ngọc H.

Tại cáo trạng số 206/KSĐT-KT ngày 17/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điều 194 khoản 2, điểm b Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo .

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận ngày 13/6/2017 có bán ma túy cho H một lần số tiền 200.000đ giao tại hẻm chùa Từ Quang phường 9. Khoảng 17 giờ ngày 14/6/2017 bán ma túy cho H lần thứ hai với số tiền 300.000đ giao tại quán cà phê số 16 đường Trần Quang Diệu, khóm 4, phường 9, thành phố M, vừa giao xong thì bị bắt, Công an có lập biên bản và thu giữ các tang vật như Cáo trạng của VKS nêu là đúng.

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra bút lục số 67 đến 70,90,91 hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa; Lời khai của bị cáo tại biên bản phạm tội quả tang bút lục số 31,32 thừa nhận bán ma túy cho H vào ngày 14/6/2017 tại

quán cà phê số 16 đường Trần Quang Diệu, khóm 4, phường 9, thành phố M, thì bị bắt thu giữ 02 bịch ma túy bị cáo bán cho H; Lời khai của con nghiện H tại biên bản ghi lời khai thể hiện tại các bút lục số 46,47 và tại biên bản phạm tội quả tang bút lục 31,32 hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo; Chất tinh thể màu trắng dạng rắn bị cáo bán cho H được cơ quan giám định kết luận trọng lượng 0,208g có chất Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ bút lục số 13; Tại biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo bút lục số 34 thể hiện số điện thoại của bị cáo và của H có gọi qua lại và nhắn tin với nhau đúng như lời khai của bị cáo và H. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa, với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của con nghiện H, với kết quả giám định và với biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo, nhận thấy bị cáo C đã có hành vi mua bán ma túy cho con nghiện là H nhiều lần, bị cáo biết được tác hại của ma túy, nhà nước nghiêm cấm mọi cá nhân tổ chức mua bán nhưng bị cáo vẫn cố tình mua bán nhiều lần để hưởng lợi, hành vi đó của bị cáo cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, khoản 2, điều 194 BLHS đúng như VKS truy tố.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Từ điều luật viện dẫn và đề nghị của VKS xét thấy hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất tân dược gây nghiện, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn TP M nói chung, gián tiếp tạo ra các tệ nạn khác trong xã hội, nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên HĐXX có xem xét đến tình tiết quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải thừa nhận những hành vi vi phạm trước đó, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong lúc lượng hình.

Đối với số ma túy thu khi bắt bị cáo, cơ quan giám định đã trích mẫu giám định và lưu mẫu sau khi giám định không còn.

Các tang vật của vụ án quá trình điều tra cơ quan Công an đã hoàn trả một phần cho chủ sở hữu và con nghiện, hiện còn một điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đỏ đen đã qua sử dụng cùng sim số 094176214 và 300.000đ đây là tài sản liên quan đến việc bị cáo phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo, cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân nên đã tách ra xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền bị cáo bán ma túy cho con nghiện H vào ngày 13/6/2017 là tiền giao dịch bất hợp pháp cần buộc bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước.

Hành vi mua ma túy của H cơ quan điều tra giao Công an phường 9 xử lý hành chính không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Quốc C (Đầu bẻ) phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 2, điều 194; Điểm p khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 07(Bảy) năm tù, thời hạn được tính kể từ ngày 14/6/2017.

2/ Căn cứ 76 BLTTHS, áp dụng điều 41 BLHS :

- Tịch thu sung quỹ nhà nước một điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ đen đã qua sử dụng cùng sim số 094176214 và 300.000đ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2017.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền 200.000đ sung quỹ nhà nước .

Khi án có hiệu lực.

3/ Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 đồng khi án có hiệu lực

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự .

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà

Ninh Quang Thế

TÒA ÁN⁽¹⁾.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcBản án số:...../.....⁽²⁾/HS-STNgày.....-.....-.....⁽³⁾NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMTÒA ÁN.....⁽⁴⁾**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**⁽⁵⁾*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông (Bà).....*Thẩm phán:* Ông (Bà)*Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):*

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm...đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con

ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiềnsự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,

nghề nghiệp.....là⁽¹⁵⁾.....**- Người bào chữa cho bị cáo:**⁽¹⁶⁾.....

.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾
-
- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾
-
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾
-
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾
-
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾
-
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾
-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....

[2].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

